



**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP/ Fund name: DCVFMVN MIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 03/04/2023
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	AAA	400	0.46%
2	AGG	100	0.35%
3	ASM	400	0.40%
4	BCG	600	0.46%
5	BMP	100	0.72%
6	BWE	100	0.52%
7	CII	400	0.72%
8	CMG	100	0.49%
9	CTD	100	0.54%
10	CTR	100	0.75%
11	DBC	300	0.51%
12	DCM	300	0.88%
13	DGC	400	2.52%
14	DGW	200	0.70%
15	DHC	100	0.49%
16	DIG	800	1.32%
17	DPM	300	1.23%
18	DXG	1,000	1.54%
19	EIB	2,300	5.33%
20	FRT	100	0.75%
21	GEG	200	0.34%
22	GEX	1,100	1.67%
23	GMD	500	3.16%
24	HBC	400	0.41%
25	HCM	500	1.56%
26	HDG	300	1.12%
27	HSG	900	1.78%
28	KBC	1,100	3.27%
29	KDC	300	2.24%
30	KDH	900	3.05%
31	KOS	100	0.47%
32	LPB	2,900	5.48%
33	MSB	3,200	4.95%
34	NKG	400	0.76%
35	NLG	500	1.64%
36	NT2	200	0.71%
37	OCB	1,500	3.05%
38	PAN	300	0.61%
39	PC1	300	1.03%
40	PHR	100	0.49%
41	PNJ	500	4.76%
42	PTB	100	0.53%
43	PVD	500	1.24%
44	PVT	300	0.76%
45	REE	300	2.49%
46	SAM	700	0.50%
47	SBT	600	1.06%
48	SCR	600	0.50%
49	SCS	100	0.82%
50	SHB	4,800	6.33%
51	SJS	100	0.53%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
52	SSB	2,500	9.64%
53	TCH	800	0.72%
54	VCG	400	1.00%
55	VCI	600	2.36%
56	VGC	100	0.41%
57	VHC	200	1.31%
58	VND	1,800	3.42%
59	VPI	200	1.37%
60	VSH	100	0.48%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)	804,722,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)	815,328,168
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)	10,606,168

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
CTD	48,070	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
LPB	16,940	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
MSB	13,860	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	85,470	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	74,360	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
HCM	28,050	HSC	Cổ phiếu Quý chưa đăng ký giao dịch/treasury stock not yet registered for trading
VCI	35,310	VCSC	Cổ phiếu Quý chưa đăng ký giao dịch/treasury stock not yet registered for trading

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 03/04/2023	Kỳ trước/Last period (**) 31/03/2023	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	9,400,000	9,400,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	8,250	8,150	100
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
<i>của quỹ ETF/of the Fund</i>	76,640,847,793	76,094,347,755	546,500,038
<i>của một lô ETF/per Creation Unit</i>	815,328,168	809,514,337	5,813,831
<i>của một chứng chỉ quỹ/per Share</i>	8,153.28	8,095.14	58.14
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Inc	1,334.86	1,306.25	28.61

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 02/04/2023

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 30/03/2023

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM



Nguyễn Minh Đăng Khánh

Giám đốc điều hành Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 04/04/2023